

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HSST  
Ngày: 02-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Quyên;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Phương.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Thùy Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2021/HSST-QĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị Hữu T, sinh năm 1992, tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu Đ (đã chết) và bà Phan Thị Tuyết H; có chồng nhưng đã ly hôn và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 24 tháng 02 năm 2020, bị Công an huyện Tuy Phước xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 750.000 đồng; bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giam từ ngày 06 tháng 10 năm 2020 đến ngày 19 tháng 11 năm 2020 được tại ngoại; có mặt.

**- Bị hại:** Anh Lưu Văn C, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Trần Hồng T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

**- Người làm chứng:**

1. NLC1, sinh năm 2001; vắng mặt.

2. NLC2, sinh năm 1969; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, Lưu Văn C cho Trần Thị Hữu T thuê 05 chiếc xe mô tô do C đứng tên chủ sở hữu gồm:

- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển kiểm soát 77G1-589.53.
- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển kiểm soát 77G1-178.26.
- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển kiểm soát 77G1-307.59.
- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển kiểm soát 77G1-588.53.
- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Taurus, biển kiểm soát 77G1-590.88.

Đến tháng 3 năm 2020, T nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô của C để lấy tiền tiêu xài nên nhờ NLC1 cầm cố 02 xe mô tô. Cụ thể lần 01 T nhờ NLC1 cầm xe mô tô biển kiểm soát 77G1-178.26 lấy 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, NLC1 chỉ đưa cho T 1.800.000 đồng và nói 200.000 đồng tiền trả lãi trước. Lần 02, T nhờ NLC1 cầm xe mô tô biển kiểm soát 77G1-589.53 để lấy 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, NLC1 cũng chỉ đưa cho T 2.700.000 đồng và nói 300.000 đồng để trả lãi trước. NLC1 mang 02 xe mô tô nói trên đến cầm cố cho Trần Hồng T1 với số tiền 8.000.000 đồng. NLC1 đưa cho T 4.500.000 đồng. T đã tiêu xài hết số tiền nói trên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phước đã định giá và kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 77G1-589.53 nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, tại thời điểm bị xâm hại có trị giá thành tiền là 8.000.000 đồng và xe mô tô biển kiểm soát 77G1-178.26 nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, tại thời điểm bị xâm hại có trị giá thành tiền là 9.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước đã thu giữ 02 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-589.53 và 77G1-178.26 trả lại cho Lưu Văn C.

Ngoài 02 chiếc xe mô tô nói trên, T còn thuê của C 03 xe mô tô biển kiểm soát 77G1-307.59, 77G1-588.53 và 77G1-590.88, trong đó có 02 xe mô tô biển kiểm soát 77G1-307.59 và 77G1-590.88 T đưa cho người khác sử dụng và vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, bị Công an huyện Tuy Phước tạm giữ xe. C đã đến Công an huyện Tuy Phước nộp phạt và nhận lại xe. Riêng xe mô tô biển kiểm soát 77G1-588.53, trong quá trình sử dụng xe mô tô nói trên, T không biết bị mất hay ở đâu.

Lưu Văn C yêu cầu bồi thường số tiền 12.250.000 đồng gồm: Tiền nộp phạt 02 xe mô tô biển kiểm soát 77G1-307.59 và 77G1-590.88 do vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với số tiền 5.250.000 đồng và 7.000.000 đồng là giá trị của xe mô tô 77G1-588.53. Trần Hồng T1 yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng khi nhận cầm cố 02 xe mô tô 77G1-589.53 và 77G1-178.26.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS-TP ngày 05 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát

nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Trần Thị Hữu T về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Thị Hữu T đã phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, ghi nhận các khoản bồi thường sau: Bị cáo bồi thường cho anh Lưu Văn C 12.250.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Hồng T1 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra truy tố và xét xử, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Đồng ý bồi thường thiệt hại theo như yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra có lấy lời khai của NLC1 nhưng NLC1 khai xe là do T cầm cố cho NLC1 và NLC1 cầm cố cho T1.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận sai, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Thông qua hợp đồng thuê xe, Trần Thị Hữu T có thuê của anh Lưu Văn C 05 xe mô tô trong đó có xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển kiểm soát 77G1-589.53 và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển kiểm soát 77G1-178.26. Để có tiền tiêu xài cá nhân, T đã nhờ NLC1 cầm cố 02 xe mô tô nói trên cho anh Trần Hồng T1 để lấy tiền. Sau đó, anh C đòi xe thì bị cáo không chuộc lại để trả mà còn bỏ trốn. Theo kết luận định giá tài sản, tổng giá trị 02 xe mô tô là 17.500.000 đồng. Hành vi trên của T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh C, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều

khẩn hành vi của mình nên bị cáo đã phạm vào tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm nhân dân huyện Tuy Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khung hình phạt đối với bị cáo đến 03 năm tù là tội ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội lần đầu nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có cân nhắc đến tiền sự của bị cáo do đã bị Công an huyện Tuy Phước xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 750.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lưu Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường 12.250.000 đồng bao gồm tiền nộp phạt 02 xe mô tô biển kiểm soát 77G1-307.59 và 77G1-590.88 là 5.250.000 đồng và 7.000.000 đồng là giá trị của xe mô tô 77G1-588.53. Anh Trần Hồng T1 yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng khi nhận cầm cố 02 xe mô tô 77G1-589.53 và 77G1-178.26. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh C, anh T1 nên áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[6] Vật chứng trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước đã thu giữ 02 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-589.53 và 77G1-178.26 trả lại cho Lưu Văn C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Ngoài 02 chiếc xe mô tô nói trên, T còn thuê của C 03 xe mô tô biển kiểm soát 77G1-307.59, 77G1-588.53 và 77G1-590.88, trong đó có 02 xe mô tô biển kiểm soát 77G1-307.59 và 77G1-590.88 T đưa cho người khác sử dụng và vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, bị Công an huyện Tuy Phước tạm giữ xe. C đã đến Công an huyện Tuy Phước nộp phạt và nhận lại xe. Riêng xe mô tô biển kiểm soát 77G1-588.53, trong quá trình sử dụng xe mô tô nói trên, T không biết bị mất hay ở đâu. Cơ quan điều tra cũng không thu thập được các tài liệu, chứng cứ chứng minh T có liên quan đến hành vi phạm tội nào nên không có căn cứ xử lý đối với T về giá trị của chiếc xe này.

[8] Trong quá trình điều tra, Trần Thị Hữu T khai nhờ NLC1 cầm cố 02 xe mô tô biển kiểm soát 77G1-589.53 và 77G1-178.26 thì NLC1 biết 02 chiếc xe trên là do T thuê của C nhưng vẫn mang đi cầm cố. Tuy nhiên, hiện nay NLC1 không

có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với NLC1 nên chưa có căn cứ để khởi tố đối với NLC1. Đối với hành vi này của NLC1, Cơ quan điều tra đã tách ra và tiếp tục điều tra, xác minh xử lý ở vụ việc khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Đối với hành vi của anh Trần Hồng T1 khi nhận cầm cố 02 xe mô tô biển kiểm soát 77G1-589.53 và 77G1-178.26, T1 không biết 02 chiếc xe trên là tài sản do Trần Thị Hữu T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T1 là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và  $20.250.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.013.000 \text{ đồng}$  án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 48, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1.** Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hữu T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Hữu T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 10 năm 2020 đến ngày 19 tháng 11 năm 2020.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo, trong đó:

Bị cáo Trần Thị Hữu T bồi thường cho anh Lưu Văn C 12.250.000 (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bị cáo Trần Thị Hữu T bồi thường cho anh Trần Hồng T1 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**3.** Về án phí: Bị cáo Trần Thị Hữu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.013.000 (một triệu không trăm mười ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công an H. Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Quyên**